

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B, TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST

Ngày 12-9-2024

V/v Ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Quàng Văn Thủy;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tuyết và ông Thào A Chur.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Ngô Huyền Trang là Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La tham gia phiên toà:** Ông Trần Hữu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2024/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 7 năm 2024 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Sông A C; Sinh năm 1989; Nơi cư trú: Bản X, xã X, huyện B, tỉnh Sơn La Vắng mặt có lý do.

- **Bị đơn:** Chị Mùa Thị C1; Sinh năm 1989; Nơi cư trú: Bản X, xã X, huyện B, tỉnh Sơn La. Vắng mặt có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện ngày 10/7/2024, các lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Sông A C trình bày:

Anh Sông A C và chị Mùa Thị C1 tìm hiểu nhau được một thời gian thì tự nguyện về chung sống với nhau và có tổ chức cưới theo phong tục tập quán vào năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống đến năm 2022 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh C và chị C1 đã được gia đình hai bên động viên vợ chồng quay lại đoàn tụ nhưng không thành, đến ngày 17/02/2023 anh chị đã sống ly thân cho đến nay. Đến nay, anh C nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án nhân dân huyện B giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng cho anh chị.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng anh C và chị C1 có 02 con chung là cháu Sông A D, sinh ngày 14/02/2006 và cháu Sông Thị S; sinh ngày 20/10/2009. Hiện tại cháu D đã trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động

nên không yêu cầu giải quyết còn cháu Sòng Thị S đang ở với anh C. Anh C có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Sòng Thị S cho đến khi cháu trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu chị Mùa Thị C1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

Về vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

*\* Tại biên bản ghi lời khai bị đơn là chị Mùa Thị C1 trình bày:*

Chị C1 và anh Sòng A C tìm hiểu nhau được một thời gian thì tự nguyện về chung sống với nhau và có tổ chức cưới theo phong tục tập quán của người dân tộc Mông nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống đến năm 2022 vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ ngày 17/02/2023. Chị C1 nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án nhân dân huyện B giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng cho anh chị.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị C1 và anh C có 02 con chung là cháu Sòng A D, sinh ngày 14/02/2006 và cháu Sòng Thị S; sinh ngày 20/10/2009. Hiện tại cháu D đã trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động chị không yêu cầu giải quyết còn cháu Sòng Thị S đang ở với anh Sòng A C, anh C có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Sòng Thị S cho đến khi cháu S trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu chị C1 cấp dưỡng nuôi con chung, chị C1 nhất trí không có ý kiến gì.

Về tài sản chung: Anh chị đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

Về vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 26/8/2024 các đương sự thống nhất về yêu cầu, phạm vi khởi kiện, không có yêu cầu phản tố, không ai cung cấp tài liệu chứng cứ, yêu cầu gì khác. Tại phiên hòa giải, anh Sòng A C và chị Mùa Thị C1 thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng và thống nhất về phân chia trách nhiệm nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, theo đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình về quan hệ hôn nhân, nuôi con chung sau ly hôn, đề nghị Tòa án nhân dân huyện B xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong việc cung cấp tài liệu chứng cứ để giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều

227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự việc Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, 15, 53, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Sòng A C và chị Mùa Thị C1.

Về con chung: Giao cháu Sòng Thị S; sinh ngày 20/10/2009 cho anh Sòng A C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị Mùa Thị C1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Sòng A C.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn” do nguyên đơn anh Sòng A C khởi kiện đòi với bị đơn chị Mùa Thị C1 có nơi cư trú bản X, xã X, huyện B, tỉnh Sơn La. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - anh Sòng A C và bị đơn - chị Mùa Thị C1 đã được thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng nguyên đơn và bị đơn vắng mặt do có việc cá nhân không thể tham gia phiên tòa và có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, nên Tòa án quyết định xét xử vắng mặt anh Sòng A C, chị Mùa Thị C1 theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Sòng A C và chị Mùa Thị C1 xác định rằng anh chị chung sống với nhau có tổ chức cưới theo phong tục tập quán của người dân tộc Mông nhưng không có đăng ký kết hôn. Việc anh Sòng A C và chị Mùa Thị C1 chung sống với nhau không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được pháp luật công nhận quan hệ vợ chồng.

Trong thời gian chung sống, anh C và chị C1 sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống chung không thể hòa hợp, trong cuộc sống thường xuyên xảy ra cãi vã; hai vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Khi phát sinh mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Nhận thấy, từ ngày 17/02/2023 đến nay anh C và chị C1

không còn chung sống với nhau, trong thời gian sống ly thân không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, bản thân hai anh chị đều xác định không còn tình cảm với nhau, không thể hàn gắn và quay lại đoàn tụ với nhau. Nay anh Sòng A C đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa anh Sòng A C và chị Mùa Thị C1, chị C1 nhất trí với ý kiến của anh C, Tòa cần xem xét tuyên bố không công nhận vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[4] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, anh Sòng A C và chị Mùa Thị C1 có 02 con chung là cháu Sòng A D, sinh ngày 14/02/2006 và cháu Sòng Thị S; sinh ngày 20/10/2009. Hiện tại cháu D đã trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động anh C và chị C1 đều không yêu cầu giải quyết, còn cháu Sòng Thị S đang ở với anh C. Anh C có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Sòng Thị S cho đến khi cháu trưởng thành và có khả năng lao động, chị C1 nhất trí với ý kiến của anh C. Cháu Sòng Thị S có nguyện vọng được ở với bố. Tại phiên hòa giải ngày 26/8/2024 anh Sòng A C và chị Mùa Thị C1 thỏa thuận thống nhất giao cháu Sòng Thị S; sinh ngày 20/10/2009 cho anh Sòng A C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; chị Mùa Thị C1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Tòa án cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo quy định tại Điều 15, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung: Anh Sòng A C và chị Mùa Thị C1 xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản chung trong vụ án.

[6] Về vay nợ chung: Anh Sòng A C và chị Mùa Thị C1 không yêu cầu giải quyết về nợ chung trong vụ án, Tòa án không giải quyết.

[7] Về án phí: Theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, thì anh Sòng A C là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã X là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh C có đơn xin được miễn án phí cần xem xét miễn án phí cho anh Sòng A C.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, 15, 53, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Sòng A C và chị Mùa Thị C1.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Sòng A C và chị Mùa Thị C1. Giao cháu Sòng Thị S; sinh ngày 20/10/2009 cho anh Sòng A C1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị Mùa Thị C1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi không phải là vợ chồng, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và vay nợ chung: Đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết trong vụ án.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Sòng A C.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Quàng Văn Thủy**